

MỤC LỤC



	Trang
I. Thông tin chung	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
4.1 Mô hình quản trị	4
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý	5
4.3 Các công ty con, công ty liên kết	6
5. Định hướng phát triển	6
5.1 Các mục tiêu phát triển của Công ty	6
5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn	6
6. Các rủi ro	7
II. Tình hình hoạt động trong năm	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014	7
2. Tổ chức và nhân sự	8
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	11
4. Tình hình tài chính	11
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	12
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	13
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	13
2. Tình hình tài chính	14
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	15
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	15
4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015	15
4.2 Hoạt động đầu tư	16

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	16
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	16
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	16
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	16
3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	16
V. Quản trị Công ty	17
1. Hội đồng quản trị	17
2. Ban kiểm soát	19
3. Các giao dịch, thù lao, và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	20
VI. Báo cáo tài chính	20
1. Ý kiến kiểm toán	20
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	23

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU

Năm báo cáo : 2014

I. Thông tin chung :

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU
- Tên Tiếng Anh: Phu Huu Port Corporation
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0309444635
- Vốn điều lệ: 85.350.190.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 08.38723316
- Số fax: 08.38722372
- Website:
- Mã số thuế: 0309444635
- Mã cổ phiếu : CPH

2. Quá trình hình thành và phát triển

a. Thành lập:

Công ty cổ phần Cảng Phú Hữu được thành lập trên cơ sở hợp tác giữa Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé, Công ty Cổ Phần Hàng Hải Phú Hải và Công ty TNHH DV Bốc Xếp Bình Mỹ.

Ngày 22/09/2009 Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309444635 để đầu tư xây dựng phát triển khu đất 24ha, việc xây dựng Cảng Phú Hữu nhằm giảm bớt áp lực lưu lượng tàu ra vào sông Sài Gòn - hiện đang quá tải, đồng thời phù hợp với đề án quy hoạch nhóm cảng số 5 theo đúng định hướng quy hoạch cảng của Chính phủ và thành phố Hồ Chí Minh.

Giai đoạn từ tháng 06/2007 đến hết tháng 12/2008 Công ty triển khai xây dựng hệ thống cầu cảng, bến bãi, đầu tư trang thiết bị, tuyển dụng, đào tạo CBCNV, hoàn thiện bộ máy tổ chức chuẩn bị cho việc đưa Cảng kinh doanh khai thác đầu năm 2009.

b. Các sự kiện khác:

Tháng 7/2010 Cục Hàng hải và Công ty bảo đảm an toàn hàng hải miền nam đã cấp giấy phép đưa cầu cảng đi vào hoạt động.

Nhằm đáp ứng nhu cầu và nâng cao năng suất xếp dỡ Container tại Cảng, Công ty đã đầu tư 03 cầu QC với tổng vốn đầu tư là : 4.124.500 USD

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**- Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương, bốc xếp hàng hóa cảng biển, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần.

- Địa điểm kinh doanh:

Cảng Phú Hữu tại Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**4.1 Mô hình quản trị:**

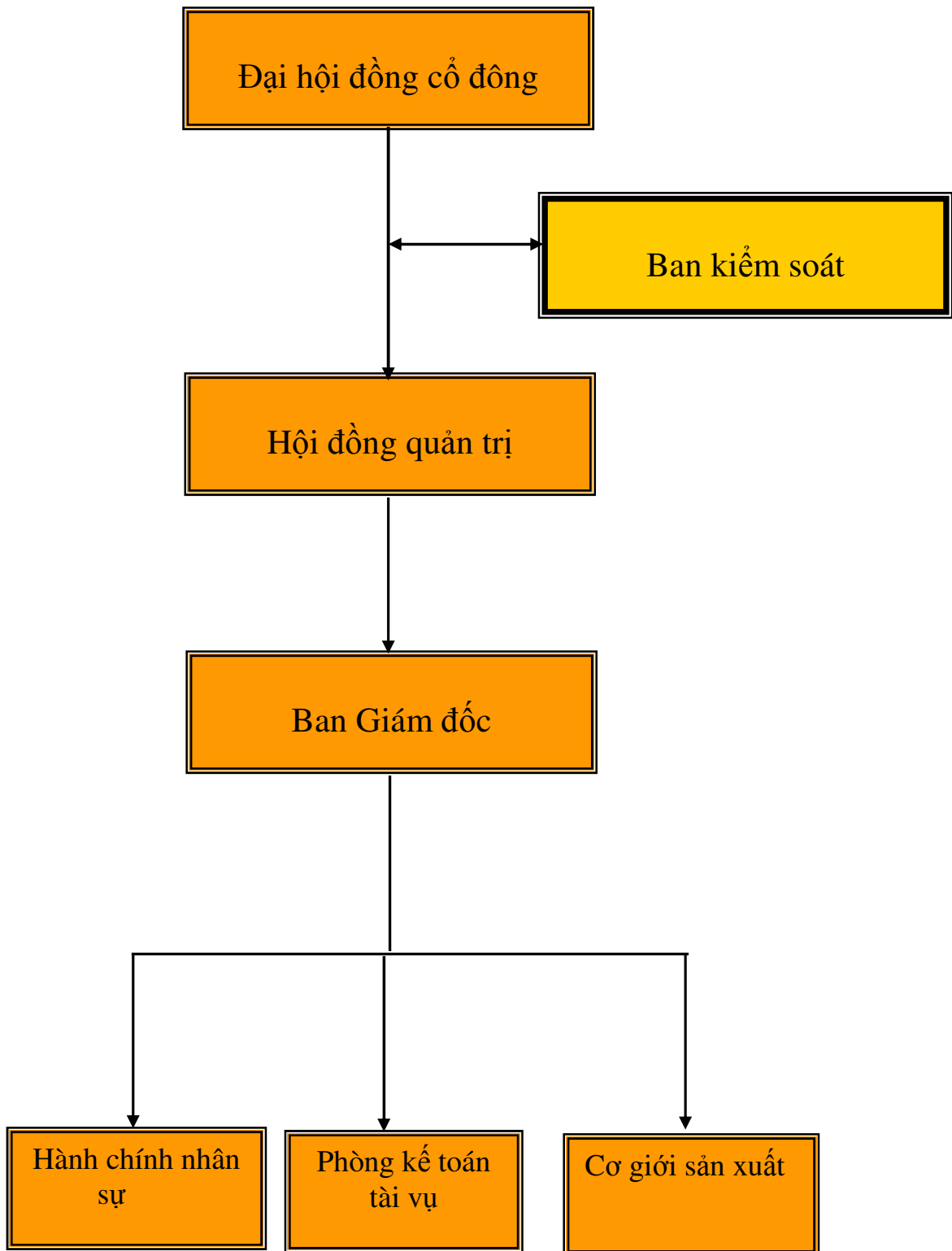
Cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty là **Đại hội đồng cổ đông**.

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ Phần Cảng Phú Hữu. Hội đồng quản trị hiện nay gồm : 5 thành viên.

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát nhiệm vụ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc. Ban kiểm soát hiện nay gồm: 3 thành viên.

Ban giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty, Nghị quyết quyết định của Hội đồng quản trị và đồng thời tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định của pháp luật. Ban giám đốc gồm: 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý :



4.3 Các công ty con, công ty liên kết : không có.

5. Định hướng phát triển.

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Hợp tác khai thác nguồn hàng phân bón của nhà máy điện đạ m Cà Mau theo hình thức sử dụng kho bãi của Cảng Phú Hữu để tập kết hàng vận chuyển bằng sà lan từ Cà Mau chờ xuất tàu.

Hợp tác với công ty Hà Nam khai thác cần cầu nổi có sức nâng 1.000 tấn để làm hàng siêu trường siêu trọng – Cảng Phú Hữu sẽ đảm trách công tác Marketing, tìm kiếm khách hàng.

Khai thác nguồn hàng rời từ Campuchia chuyển bằng sà lan về tập kết tại Cảng Phú Hữu chờ xuất tàu.

Hợp tác với Gemadept và ICD Phước Long để làm hàng Container theo phương án tàu – sà lan – ICD Phước Long và ngược lại.

Hợp tác với Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn để khai thác nguồn hàng sắt thép, hàng xá và cho thuê bãi.

Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ cung cấp ngoài chức năng kinh doanh chính là khai thác bến cảng như hiện nay theo hình thức mở rộng hợp tác kinh doanh với các đối tác, đặc biệt là các đối tác kinh doanh trong lĩnh vực logistics, các đơn vị forwarding quốc tế có nhu cầu về các hợp đồng thầu phụ chuyển tiếp hàng hóa bằng sà lan, xếp dỡ hàng hóa siêu trường siêu trọng.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty trong thời gian tới, tập trung vào các vấn đề sau :

Xem xét đầu tư các thiết bị và phương tiện xếp dỡ chuyên dùng hợp lý cho từng giai đoạn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Cùng Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé tiếp tục đầu tư hạ tầng giai đoạn hai Cảng Phú Hữu.

Nỗ lực tìm kiếm và tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi trong và ngoài nước để cân đối nhu cầu đầu tư và phát triển khi cần thiết.

Nâng cao chất lượng tuyển dụng và đào tạo, đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh doanh của công ty.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Thực hiện các biện pháp bảo vệ và cải thiện môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

6. Các rủi ro:

Rủi ro về kinh tế : Tình hình kinh tế, tài chính trong năm 2014 vẫn còn phức tạp, và đã ảnh hưởng nhất định đến nền kinh tế nước ta. Sản xuất kinh doanh chưa ổn định và trữ lượng hàng tồn kho nhiều từ đó làm cho sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu thông qua Cảng giảm mạnh, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro trong cạnh tranh : Tình trạng cung vượt cầu của các cảng biển tại khu vực Cái Mép Thị Vải đối với hàng container dẫn đến sự cạnh tranh rất gay gắt. Một số cảng có sự chuyển hướng tham gia khai thác hàng bách hóa. Xu hướng này gây ra sự cạnh tranh và áp lực lớn đối với Công ty nhất là các mặt hàng sắt thép, thiết bị.

Rủi ro về giá nhiên liệu : Tình hình giá nhiên liệu, vật tư thiết bị trong năm qua biến động khó lường đã ảnh hưởng không nhỏ đến giá thành dịch vụ đầu ra của Công ty.

Rủi ro về giao thông : Hiện tại đường nối Cảng Phú Hữu ra đường Nguyễn Duy Trinh đã hoàn thành. Tuy nhiên việc hạn chế tải trọng từ đường Nguyễn Duy Trinh ra xa lộ Hà Nội và các trục đường chính về Tp.HCM và Đồng Nai – Bình Dương là trở ngại lớn đối với hàng hóa ra vào Cảng và ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động SXKD khai thác tại Cảng Phú Hữu.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2014.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014.

Việc hạn chế giao thông đường bộ dẫn đến tình hình khai thác kinh doanh trong năm 2014 vẫn còn nhiều khó khăn. Trong đó khách hàng chính là hãng tàu Việt Long, khai thác chủ yếu bằng phương án tàu – sà lan nên nguồn hàng cũng bị hạn chế và đã giảm dần về cuối năm.

Trong năm 2014 công ty vẫn phải tính đủ chi phí khấu hao thiết bị trong tình hình nguồn thu vẫn còn thấp do khó khăn về đường giao thông, Nhưng Công ty cũng đã vượt qua giai đoạn khó khăn, tình hình sản xuất kinh doanh dần đi vào ổn định, Công ty đã bắt đầu hoạt động có lãi.

BẢNG KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2014	Kết quả năm 2014	So sánh kết quả năm 2014 với kế hoạch 2014	
					Số tiền	Tăng giảm (%)
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	14.950	15.491	541	3.6%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.250	144	- 1.106	- 88.48%
3	Thuế TNDN	Triệu đồng	250			
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.000	144	- 856	-85.6%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	%	6.68	0.93		

2. Tổ chức và nhân sự :

– **Danh sách Ban điều hành:** (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành :

2.1 Giám đốc công ty :

Ông TRẦN DUY AN : Giám đốc Công ty (bổ nhiệm từ tháng 9/2014)

Họ và tên : **TRẦN DUY AN**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 15/05/1977

Nơi sinh : TPHCM

Số chứng minh nhân dân : 023599749 do CA.TP.HCM cấp ngày 06/07/2007

Quốc tịch : Việt nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán :

Địa chỉ thường trú : 153/10 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1.

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải Biển

Quá trình công tác :

- Từ năm 2000 đến nay công tác tại Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé
- Từ tháng 3/2013 thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Cảng Phú Hữu

Chức vụ công tác hiện nay :

- + Trưởng phòng kinh doanh công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé
- + Thành viên hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Phú Hữu

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu :

: 431.519 CP, chiếm 5.056 % vốn điều lệ

+ Số lượng cổ phần đại diện

: 430.000 CP, chiếm 5.038% vốn điều lệ

+ Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân

: 1.519 CP, chiếm 0.0178% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mẫu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

2.2 Phó Giám đốc Công ty :

Ông Nguyễn Trí Hùng : Phó Giám đốc công ty (được bổ nhiệm từ tháng 5/2014)

Họ và tên : **Nguyễn Trí Hùng**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 15/09/1967

Nơi sinh : Hà Nội

Số chứng minh nhân dân : 022595062 do công an Hà Nội cấp

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Đồng Tháp

Địa chỉ thường trú Nhuận TP.HCM	: 96 Nguyễn Đình Chính, Phường 15, Quận Phú
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử Nhân Kinh tế Ngoại thương
Quá trình công tác :	
- Từ năm 1995 đến 1998	: Nhân viên phòng giao nhận – Công ty Transimex – Saigon.
- Từ năm 1999 đến 2004	: Trưởng phòng hàng nhập hãng tàu P&O Nedlloy.
- Từ năm 2004 đến 2006	: Trưởng phòng Sales – Marketing Cảng ICD Phước Long.
- Từ năm 2006 đến 2007	: Giám đốc công ty PAL là đại lý cho hãng tàu Samudera Shipping.
- Từ 10/2007 đến 4/2008	: Giám đốc Sales – Marketing Cảng SPCT
- Từ 3/2009 đến 5/2011	: Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Hàng Hải Sài Gòn
- Từ 1/2014 đến 4/2014	: Phó Giám đốc Công ty Vector Aviation

Các chức vụ công tác hiện nay :

- + Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu.
- + Trợ lý TGĐ Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé.

Số chứng khoán sở hữu và đại diện sở hữu : không

+ Số lượng cổ phần đại diện : không

+ Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : không

Các khoản nợ đối với công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Những thay đổi trong ban điều hành : Trong năm 2014 Ban điều hành có sự thay đổi về chức danh Giám đốc và Phó Giám đốc.

Số lượng cán bộ, nhân viên : Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2014 là 24 người. Tiền lương thực hiện bình quân năm 2014 là 4,5 triệu đồng.

Công ty luôn quan tâm đến đời sống của CBCNV, đảm bảo thu nhập cho người lao động luôn được cải thiện và nâng cao. Chú trọng công tác nâng cao đời sống tinh thần của người lao động, đồng thời luôn thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động như bảo hiểm, khám chữa bệnh định kỳ... làm cho người lao động luôn yên tâm và gắn bó vì sự nghiệp phát triển của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

Trong năm 2014 tình hình đầu tư không phát sinh.

4. Tình hình tài chính**a). Tình hình tài chính :**

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	81.675.329.686	89.157.244.867	109.16%
Doanh thu thuần	3.806.366.174	14.831.810.210	389.65%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-3.945.471.725	144.615.875	3.66%
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế	-3.945.471.725	144.615.875	3.66%
Lợi nhuận sau thuế	-3.945.471.725	144.615.875	3.66%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b). Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	25.55	2.87	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	25.49	2.87	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.005	0.087	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.005	0,087	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.05	0.166	

<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	- 1.037	0.010	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	- 0.049	0.0018	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	- 0.048	- 0.0016	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	- 1.037	- 0.010	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a). Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 8.535.019 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : không có.
- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phần.

b). Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Cổ đông		
	Gía trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số cổ đông
1. Cổ đông sáng lập	76.968.000.000	90.17%	3
2. Cổ đông ngoài công ty	8.382.190.000	9.8%	286

c). **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** trong năm 2014 Công ty không phát hành tăng vốn cổ phần.

d). **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không có

e). **Các chứng khoán khác:** không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc :**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :**

Năm 2014 giao thông đường bộ kết nối Công ty với trục đường chính đã hoàn thành, nên việc khai thác kinh doanh của Công ty tương đối ổn định do đó hiệu quả kinh doanh trong năm 2014 có phần khả quan hơn năm 2013.

Trong điều kiện khai thác kinh doanh như trên, Ban lãnh đạo công ty đã cố gắng phát huy năng lực hoạt sẵn có của công ty để dần đưa công ty đi vào khai thác kinh doanh ổn định và phát triển, đảm bảo thu nhập của CBCNV và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách, chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về kinh doanh và quản lý tài chính.

2. Tình hình tài chính :**a). Tình hình tài sản :**

Tổng tài sản Công ty (theo số liệu trên Bảng cân đối kế toán đã được kiểm toán) tính đến ngày 31/12/2014 là 89.157.244.867 đồng tăng 7.481.915.181 đồng so với đầu năm, chủ yếu là do các nhân số sau :

Đơn vị tính : VNĐ

Chỉ tiêu	Tăng (+) Giảm (-)	Chi tiết tăng, giảm
A. Tài sản ngắn hạn	+ 11.529.688.965 đồng	
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	+ 11.060.668.989 đồng	Số dư tính đến ngày 31/12/2014 là : 21.037.875.285 đồng trong đó : tiền mặt là 48.231.041 đồng, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn là 4.489.644.244 đồng, tiền gửi có kỳ hạn là 16.500.000.000 đồng
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	+ 219.754.428 đồng	
Trong đó :		
Phải thu khách hàng	+ 249.167.328 đồng	
Các khoản phải thu khác	- 29.412.900 đồng	
4. Hàng tồn kho	- 20.368.563 đồng	
Trong đó :		

Tồn kho nhiên liệu	- 20.368.563 đồng	Giảm -20.368.563 đồng do nhiên liệu đã xuất sử dụng
5. Tài sản ngắn hạn khác	+ 269.634.111 đồng	Chi phí trả trước ngắn hạn giảm 24.919.747 đồng khoản thuế GTGT được khấu trừ tăng 294.299.274 đồng, tài sản ngắn hạn khác tăng 254.584 đồng.
B. Tài sản dài hạn	- 4.047.773.784 đồng	
1. Các khoản phải thu dài hạn		
2. Tài sản cố định	- 4.092.773.784 đồng	
a. Tài sản cố định hữu hình	- 4.092.773.784 đồng	
Nguyên giá		
Khấu hao	+ 4.092.773.784 đồng	Do trích khấu hao năm 2014 và tăng mới tài sản máy móc thiết bị 45.000.000đồng
b. Tài sản cố định thuê tài chính		
c. Tài sản cố định vô hình		
d. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3. Đầu tư bất động sản		
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
5. Tài sản dài hạn khác		

b). Tình hình nợ phải trả :

Tổng nguồn vốn Công ty (theo số liệu trên Bảng cân đối kế toán đã được kiểm toán) tính đến ngày 31/12/2014 là 89.157.244.867 đồng tăng 7.481.915.181 đồng so với đầu năm chủ yếu do các nhân tố sau :

Chỉ tiêu	Tăng (+) Giảm (-)	Chi tiết tăng, giảm
A. Nợ phải trả		
I. Nợ ngắn hạn	+ 7.337.299.306 đồng	
1. Vay và nợ ngắn hạn		

2. Phải trả cho người bán	+ 6.705.542.340 đồng	Tăng 6.705.542.340 đồng do phải trả tiền hợp tác kinh doanh với Cty TNHH MTV Cảng Bến Nghé.
3. Người mua trả tiền trước	+ 19.869.192 đồng	
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
5. Phải trả người lao động	+ 727.900.058 đồng	
6. Chi phí phải trả		
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	- 57.884.284 đồng	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	- 58.128.000 đồng	Giảm do chi khen thưởng trong năm
II. Nợ dài hạn		
B. Vốn chủ sở hữu	+ 144.615.875 đồng	
I. Vốn chủ sở hữu	+ 144.615.875 đồng	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
2. Thặng dư vốn cổ phần		
3. Cổ phiếu quỹ		
4. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu		
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	+ 144.615.875 đồng	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2014 Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Công ty chú trọng phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng của nhân viên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

a). Kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2015 :

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 và dự kiến tình hình năm 2015, Ban điều hành Công ty xây dựng Định hướng kế hoạch hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2015 với các chỉ tiêu như sau :

Đơn vị tính : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	KH năm 2015	% so với TH 2014
1	Tổng doanh thu	15.490	16.700	7.81%
2	Tổng chi phí	15.346	15.321	- 25%
3	Lợi nhuận trước thuế	144	1.379	957.6%
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp		275,8	
5	Lợi nhuận sau thuế	144	1.103	766.11%

b). Hoạt động đầu tư :

Trong năm 2015 công ty không phát sinh đầu tư mới.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán : không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2014 chính sách tài khóa thắt chặt, chính sách tiền tệ chặt chẽ vẫn duy trì nhằm kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô nhưng đã để lại hệ quả cầu nội địa giảm, hàng tồn kho tăng cao. Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận vốn và sản xuất kinh doanh dẫn đến nhiều doanh nghiệp phải ngưng hoạt động hoặc phá sản.

Việc giao thông đường bộ vẫn còn hạn chế nên hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn. Tốc độ phát triển cảng biển diễn ra khá nhanh, năng lực thông qua cụm cảng Tp.HCM, nhóm cảng biển số 5 vượt qua nhu cầu của thị trường dẫn đến trình trạng cạnh tranh gay gắt và quyết liệt hơn.

Trong điều kiện khó khăn nêu trên, nhưng hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đạt doanh số trong năm 2014 như kế hoạch đề ra, Ban lãnh đạo công ty cũng đã cố gắng đảm bảo thu nhập và các chế độ cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Giám đốc Công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành sát sao các mặt hoạt động của Công ty đảm bảo mục tiêu mà HĐQT đề ra là phát triển bền vững, từng bước đưa hoạt động Công ty ngày càng phát triển và đi vào có lãi. Ban Giám đốc đã có báo cáo kịp thời lên HĐQT để đưa ra điều chỉnh về chiến lược khai thác kinh doanh khi nguồn hàng có sự thay đổi.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

Năm 2015 Hội đồng quản trị sẽ bám sát các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ năm 2014 đã thông qua. Trong quá trình quản lý, HĐQT kết hợp giữa dự báo và tình hình thực tế để định hướng đúng đắn cho hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị sẽ nỗ lực chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển và những chỉ tiêu ĐHCĐ đề ra, đẩy mạnh việc khai thác kinh

doanh khi tuyến đường kết nối giữa Công ty với trục đường chính đã hoàn thành vào cuối năm 2013.

V. Quản trị công ty :**1. Hội đồng quản trị****Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:****- Thành viên :**

Hội đồng quản trị Công ty năm 2014 gồm 05 thành viên, trong đó 02 thành viên trực tiếp tham gia điều hành và 03 thành viên không điều hành, bao gồm :

Thành viên hội đồng quản trị tham gia điều hành :

- + Ông Nguyễn Ngọc Thảo Chủ tịch HĐQT
- + Ông Trần Duy An Ủy viên HĐQT - Giám đốc

Thành viên hội đồng quản trị không tham gia điều hành :

- + Ông Đặng Hoài Giang Ủy viên HĐQT
- + Bà Mạch Thị Tố Nga Ủy viên HĐQT
- + Ông Lê Quốc Việt Ủy viên HĐQT

Cơ cấu của Hội đồng quản trị :

STT	Tên cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu (%)
1	Nguyễn Ngọc Thảo	Chủ tịch HĐQT Công ty	2.100.843	24.614%
2	Lê Quốc Việt	Ủy viên HĐQT.	2.103.078	24.64%
3	Trần Duy An	Ủy viên HĐQT. Giám đốc Công ty	431.519	5.056%
4	Đặng Hoài Giang	Ủy viên HĐQT Công ty	2.212.227	25.919%
5	Mạch Thị Tố Nga	Ủy viên HĐQT Công ty	432.906	5.072%

a). Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập tiểu ban

b). Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên không trực tiếp điều hành. Năm 2014 Hội đồng quản trị Công ty có 06 cuộc họp gồm các nội dung như sau :

Phiên họp	Số thành viên dự họp	Nội dung
26/02/2014	4/5	- Thống nhất thông qua kế hoạch xây dựng chi phí quỹ lương năm 2013 của Cty cổ phần Cảng Phú Hữu
20/03/2014	4/5	- Thống nhất thông qua việc miễn nhiệm ông Nguyễn Xuân Hoàng khỏi vị trí Giám đốc Cty cổ phần Cảng Phú Hữu. - Thống nhất thông qua việc trình chủ sở hữu xem xét việc đề cử ông Nguyễn Ngọc Thảo - Chủ tịch HĐQT Cảng Phú Hữu là người đại diện pháp luật Cty cổ phần Cảng Phú Hữu
27/05/2014	4/5	- HĐQT thống nhất tiến hành Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2013 vào ngày 28/06/2014 - Báo cáo tài chính quý I/2014 - Thuê nhân sự quản lý cấp cao điều hành SXKD Cảng Phú Hữu. - Liên kết hợp tác phát triển SXKD Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.
30/07/2014	5/5	- Thống nhất chương trình hợp tác SXKD với Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. - Xây dựng mô hình tổ chức nhân sự của Công ty. - Báo cáo tình hình thực hiện SXKD 6 tháng đầu năm 2014. - Báo cáo tài chính quý II/2014. - Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé vay 10 tỷ để giải quyết các khoản nợ đầu tư của dự án Cty cổ phần Cảng Phú Hữu.
30/07/2014	5/5	- HĐQT thống nhất thông qua đề cử Ông Trần Duy An giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Phú Hữu.

c). Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Hiện Hội đồng quản trị Công ty có 03 thành viên không điều hành là Ông Đặng Hoài Giang, Bà Mạch Thị Tố Nga Và Ông Lê Quốc Việt. Ông Đặng Hoài Giang có kiến thức sâu rộng và kinh trong lĩnh vực tài chính kế toán. Bà Mạch Thị Tố Nga có kiến

thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán. Ông Lê Quốc Việt có kiến thức và kinh nghiệm về lĩnh vực kỹ thuật sửa chữa các phương tiện thiết bị. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành đã đóng góp tích cực vào việc quản lý tài chính, sửa chữa máy móc thiết bị, xây dựng tầm nhìn chiến lược, và kế hoạch hoạt động của Công ty.

d). Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập tiểu ban.

e). Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty :

Toàn bộ thành viên Hội đồng quản trị Công ty đều đã tham gia khóa học về quản trị Công ty.

2. Ban Kiểm soát :

a). Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên :

+ Ông Nguyễn Lê Bảo Quốc : Trưởng Ban kiểm soát (Cổ đông bầu).

+ Ông Nguyễn Thái Hải : Thành viên Ban kiểm soát (Cổ đông bầu).

+ Ông Nguyễn Trung Hải : Thành viên Ban kiểm soát (Cổ đông bầu).

- Cơ cấu của Ban kiểm soát :

STT	Tên cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu (%)
1	Nguyễn Lê Bảo Quốc	Trưởng Ban kiểm soát	389	0,0046%
2	Nguyễn Thái Hải	Thành viên BKS	4.438	0.0520%
3	Nguyễn Trung Hải	Thành viên BKS		

b). Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014 như sau :

+ Kiểm soát, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Xem xét Báo tài chính định kỳ hàng tháng, quý, cả năm do Ban điều hành cung cấp. Từ đó, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn.

+ Tham gia phối hợp cùng đơn vị kiểm toán, về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2014 trước và sau kiểm toán, đồng thời xem xét các ý kiến kiểm toán viên độc lập. Ban kiểm soát nhận định Báo cáo tài chính năm 2014 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2014.

+ Ban kiểm soát đều tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý giữa Hội đồng quản trị với Ban Giám đốc để nghe Ban Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh từng quý và mục tiêu phương hướng hoạt động các tháng, quý tiếp theo, xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2015. Từ đó, Ban kiểm soát tham gia đóng góp ý kiến của mình trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Công ty áp dụng chế độ lương, thưởng, thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Ban điều hành theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với người đại diện của Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé. Tương xứng với kết quả và năng lực công việc của từng thành viên.

Stt	Họ & tên	Chức danh	Tiền lương, thù lao
1	Nguyễn Ngọc Thảo	Chủ tịch HĐQT	36.377.626
2	Đặng Hoài Giang	Thành viên HĐQT	32.128.205
3	Trần Duy An	Thành viên HĐQT	32.128.205
4	Mạch Thị Tố Nga	Thành viên HĐQT	32.128.205
5	Lê Quốc Việt	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ tháng 6/2014)	16.595.280
6	Nguyễn Lê Bảo Quốc	Trưởng BKS	28.058.400
7	Nguyễn Trung Hải	Thành viên BKS	22.420.800
8	Nguyễn Thái Hải	Thành viên BKS (bổ nhiệm từ tháng 6/2014)	11.203.924
9	Lê Quốc Việt	Thành viên BKS (miễn nhiệm từ tháng 6/2014)	11.216.876
10	Trần Duy An	Giám đốc (bổ nhiệm từ tháng 9/2014)	29.994.668
11	Trần Duy An	Phó Giám đốc	84.402.291
12			
13	Lâm Thị Ngọc Huyền	Kế toán trưởng (miễn nhiệm)	24.412.954

		nhiệm từ tháng 3/2014)	
14	Nguyễn Văn Hậu	Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ tháng 4/2014	73.238.861
Tổng cộng			

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không phát sinh
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không phát sinh
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Việc quản trị Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

V. Báo cáo tài chính

1/. Ý kiến kiểm toán :

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

Địa chỉ : Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08. 3220 0237

Fax : 08. 3220 0265

Email : afcaudit.hcmc@afcaudit.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Kính gửi : Quý cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 02 năm 2015, từ trang 05 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính năm của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính vào ngày 25 tháng 3 năm 2014.

TP.HCM, ngày 25 tháng 3 năm 2015

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

(đã ký)

TRANG ĐẮC NHA

KIỂM TOÁN VIÊN

(đã ký)

LÊ NGỌC HẢI

CTY CỔ PHẦN CẢNG PHÚ HỮU
 Khu Phố 4, P.Phú Hữu, Quận 9
 Mã số thuế : 03 09 444 635

Mẫu số B 01 - DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

Đvt : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		22.300.989.253	10.771.300.288
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		21.037.875.285	9.977.206.296
1 Tiền	111	V01	4.537.875.285	9.977.206.296
2 Các khoản tương đương tiền	112		16.500.000.000	
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V02		
1 Đầu tư ngắn hạn	121			
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III Các khoản phải thu	130		749.950.457	530.196.029
1 Phải thu của khách hàng	131		749.950.457	500.783.129
2 Trả trước cho người bán	132			
4 Phải thu nội bộ	133			
5 Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng (*)	134			
6 Các khoản phải thu khác	138	V03		29.412.900
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			

IV Hàng tồn kho	140	V04	6.862.553	27.231.116
1 Hàng tồn kho	141		6.862.553	27.231.116
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V Tài sản ngắn hạn khác	150		506.300.958	236.666.847
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		127.270.047	152.189.794
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		334.030.905	39.731.631
3 Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V05		
5 Tài sản ngắn hạn khác	158		45.000.006	44.745.422
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		66.856.255.614	70.904.029.398
I Các khoản phải thu dài hạn	210			
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2 Vốn kinh doanh ở đơn vị phụ thuộc	212			
3 Phải thu dài hạn nội bộ	213	V06		
4 Phải thu dài hạn khác	218	V07		
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II Tài sản cố định	220		66.856.255.614	70.904.029.398
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V08	66.856.255.614	70.904.029.398
- Nguyên giá	222		81.137.340.248	81.092.340.248
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(14.281.084.634)	(10.188.310.850)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3 Tài sản cố định vô hình	227	V10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V11		
III Bất động sản đầu tư	240	V12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1 Đầu tư vào công ty con	251			
2 Đầu tư vào công ty liên kết	252			
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V13		
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V Tài sản dài hạn khác	260			

1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V14		
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V21		
3 Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			89.157.244.867	81.675.329.686
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3		
A NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 +330)	300		7.758.832.864	421.533.558
I Nợ ngắn hạn	310		7.758.832.864	421.533.558
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V15		
2 Phải trả cho người bán	312		6.705.542.340	
4 Người mua trả tiền trước	313		19.869.192	
4 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V16		
5 Phải trả người lao động	315		747.642.896	19.742.838
6 Chi phí phải trả	316	V17		
7 Phải trả nội bộ	317			
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V18	2.615.716	60.500.000
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		283.162.720	341.290.720
II Nợ dài hạn	330			
1 Phải trả dài hạn người bán	331			
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332	V19		
3 Phải trả dài hạn khác	333			
4 Vay và nợ dài hạn	334	V20		
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V21		
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8 Doanh thu chưa thực hiện	338			
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		81.398.412.003	81.253.796.128
I Vốn chủ sở hữu	410	V22	81.398.412.003	81.253.796.128
1 Vốn đầu tư chủ sở hữu	411		85.350.190.000	85.350.190.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412			
3 Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	413			

4 Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		1.596.328.117	1.596.328.117
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		399.082.029	399.082.029
9 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(5.947.188.143)	(6.091.804.018)
10 Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
11 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1 Nguồn kinh phí	432	V23		
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			89.157.244.867	81.675.329.686

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài			
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4 Nợ khó đòi đã xử lý			
5 Ngoại tệ các loại (USD)			
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu
 Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Q9-TPHCM
 MST : 03 09 444 635

Mẫu số B 02 -DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD
Năm 2014

Đơn vị tính : VND

Diễn giải	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	14.831.810.210	3.806.366.174
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		14.831.810.210	3.806.366.174
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	14.294.116.209	7.701.934.202
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		537.694.001	(3.895.568.028)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	659.036.796	209.740.810
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	435.483	
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.051.679.439	259.644.506
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		144.615.875	(3.945.471.724)
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		144.615.875	(3.945.471.724)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		144.615.875	(3.945.471.724)
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		17	(462)

Công ty Cổ phần Cảng Phú Hữu
Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Q9-TPHCM

Mẫu số B 03 -DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC

MST : 03 09 444 635

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2014

Đơn vị tính : **Đồng VN**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SXKD				
1- Lợi nhuận trước thuế	01		144.615.875	(3.945.471.724)
2- Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		4.092.773.784	4.092.773.784
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03			
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(3.485.195)	
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(653.727.217)	(209.740.810)
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.580.177.247	(62.438.750)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(510.820.099)	8.273.588.860
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		20.368.563	(27.231.116)
(Tăng)/giảm các khoản phải trả	11		7.395.424.314	(1.045.170.275)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		24.919.747	(152.189.794)
Tiền lãi vay đã trả	13			

Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		26.428.500
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(58.128.000)	(189.658.909)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.451.941.772	6.823.328.516
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(45.000.000)	
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	653.727.217	209.740.810
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	608.727.217	209.740.810
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	11.060.668.989	7.033.069.326

Tiền và tương đương với tiền đầu kỳ	60		9.977.206.296	2.944.136.970
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		21.037.875.285	9.977.206.296

2/. Bảng thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán năm 2014 trên website Công ty www.phuhuuport.com.

Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2015



CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN NGỌC THẢO